**Tiết 97,98,99 :ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**Văn bản**

**VÌ SAO CHÚNG TA PHẢI ĐỐI XỬ THÂN THIỆN VỚI ĐỘNG VẬT**



**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Khái niệm văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)

- Ý kiến nghị luận, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

- Nhan đề, nội dung, đề tài của bài viết

- Tóm tắt được văn bản nghị luận để nắm được ý chính của văn bản

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được nhan đề đề cập đến nội dung, đề bài

- Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong văn bản.

- Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

- Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ

- Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản đối đời xống xã hội và đối với bản thân

***3. Về phẩm chất:***

- Yêu quý động vật, sống hòa hợp với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

1. **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. **Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Chiếu cho học sinh quan sát bức tranh trong SGK. Bức tranh gợi cho em suy nghĩ gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Một HS trả lời câu hỏi của GV

- Dự kiến sản phẩm: Con người và thiên nhiên phải sống hòa hợp với nhau

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | |
| **1. Văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)** | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS nêu được khái niệm văn nghị luận xã hội trình bày một ý kiến, vai trò của lí lẽ, bằng chứng.  **b. Nội dung**:  - GV nêu ý kiến, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  - Hs đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm, điền vào phiếu học tập.  - GV hướng dẫn HS đọc SGK, nêu ý kiến, giải thích  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh, phiếu học tập  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Đưa ra vấn đề, ý kiến bằng sơ đồ để giải thích cho học sinh  **Lí lẽ 1**  Giúp bổ trợ kiến thức cho các môn học trong nhà trường  **Lí lẽ 2:**  Kết nối chia sẻ đam mê đọc sách và lan tỏa văn hóa đọc  **Lí lẽ 3:**  Giúp rèn luyện phát triển kĩ năng sống cần thiết  ***Bằng chứng****:*  *Các hoạt động thảo luận giới thiệu sách liên quan đến bài học sẽ cũng cố, nâng cao kiến thức cho các bạn*  ***Bằng chứng***  *Các hoạt động thi cảm nhận sách, thiết kế bìa sách… sẽ khơi gợi lan tỏa tình yêu sách*  ***Bằng chứng***  *Qua các hoạt động các thành viên hình thành kĩ năng, giao tiếp, tổ chức sự kiện, ứng dụng công nghệ thông tin*  **Ý KIẾN**  **Cần thành lập câu lạc bộ đọc sách cho học sinh**  ? Qua việc tìm hiểu ý kiến trên, em hiểu thế nào là văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)  ? Vai trò của các yếu tố lí lẽ, bằng chứng trong văn nghị luận xã hội?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - HS đọc kiến thức Ngữ văn ở phần đầu, quan sát, lắng nghe ý kiến, suy nghĩ cá nhân về yêu cầu của GV  **GV**: Hướng dẫn học sinh đọc sách, giải thích về ý kiến đưa ra.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** - Yêu cầu HS trả lời  **HS** - Học sinh trả lời câu hỏi  - Các bạn khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | - **Nghị luận xã hội** (trình bày một ý kiến) Nêu lên một vấn đề mình quan tâm trong đời sống, sử dụng các lí lẽ bằng chứng cụ thể để củng cố cho ý kiến của mình nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến, vấn đề đó  - Lí lẽ: là cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết, người nói.  - Bằng chứng: là những minh chứng làm rõ lí lẽ.  => Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. | |
|  | | |
| **2. Tác phẩm** | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, nhan đề, bố cục…)  **b. Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV &HS** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Đọc mẫu, hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Cho học sinh thảo luận cặp đôi  - Chiếu yêu cầu lên màn hình máy tính, giao nhiệm vụ:  ? Nối cột A với cột B   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | 1. Tổ tiên | a) Đấng tạo ra muôn vật với mọi sự biến hoá, đổi thay, theo quan niệm duy tâm | | 2. Trực tiếp | b) Là một hiện tượng xảy ra trong tự nhiên khi một loài hoặc một quần thể biến mất hoàn toàn trên trái đất. | | 3. Tạo hóa | c) Quan hệ giữa sinh vật với môi trường | | 4. tuyệt chủng | d) Có quan hệ thẳng với đối tượng tiếp xúc, không qua khâu trung gian gián tiếp: không có quan hệ thẳng với đối tượng tiếp xúc mà phải qua khâu trung gian | | 5. Sinh thái | e) Những người thuộc thế hệ đầu tiên của một dòng họ. |   ?Văn bản “Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật thuộc thể loại gì?  ?Dựa vào nhan đề em hãy cho biết nội dung, đề tài của bài viết?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - Đọc văn bản, suy nghĩ câu trả lời theo yêu cầu của GV  **GV**: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV  Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **GV***:* - Nhận xét cách đọc của HS, nhận xét câu trả lời của học sinh  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Dự kiến sp câu nối: 1- e; 2-d; 3-a; 4-b; 5-c  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | | *a) Đọc và tìm hiểu chú thích*  - HS đọc đúng.  *b) Thể loại*  - Văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)  *c) Nội dung, đề tài*  - Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật.  *d) Bố cục*  - 4 phần  + Phần 1: Đoạn 1,2  -> Động vật gắn bó với con người, gắn bó với kí ức tuổi thơ.  +Phần 2: Đoạn 3  => Vai trò của động vật trong hệ sinh thái  + Phần 3: Đoạn 4 Thực trạng hiện nay  + Phần 4: Còn lại => Lời kêu gọi bảo vệ động vật. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| 1. **Vấn đề nghị luận** | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm ra được ý kiến, vấn đề nghị luận trong bài  **b. Nội dung**:  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Ở văn bản này người viết định bảo vệ hay phản đối điều gì?  ? Con người cần có thái độ như thế nào với động vật?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát SGK  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **- Vấn đề nghị luận**: Cần đối xử thân thiện, yêu quý và bảo vệ động vật |
| 1. **Phân tích vấn đề nghị luận** | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết cách dẫn dắt vấn đề vào bài  - Nhận biết được các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Hiểu mối quan hệ giữa động vật và con người gắn liền với nhau  - Có ý thức thái độ yêu quý, trân trọng và đối xử thân thiện với động vật.  **b. Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 1  ? Xác định ý chính của đoạn 1, 2  ? Để làm rõ ý chính đó tác giả đã đưa ra bằng chứng nào?  ? Biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng ở phần 1? Tác dụng?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  **GV**: Dự kiến KK: câu hỏi số 3  - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ (?).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | ***a) Động vật nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ, gắn liền với cuộc sống con người***  - Bằng chứng: Đứng nhìn lũ kiến hành quân, buộc chỉ vào chân cánh cam làm diều.  - Bằng chứng: Gà gáy báo thức, chim hót trên cây, lũ trâu cày ruộng…  NT: Sử dụng phép liệt kê  ***=> Khẳng định về vai trò không thể thiếu của động vật đối với đời sống con người.*** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Phát phiếu học tập số 2 & đặt câu hỏi:  - Chia nhóm cho HS thảo luận  ? ý chính của đoạn 3 là gì?  ? Câu nào trong phần 3 cho thấy con người liên quan đến động vật?  ? Môi trường sinh tồn là gì?  ? Con người, động vật và môi trường có mối quan hệ như thế nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**: - Đọc SGK và tìm chi tiết để hoàn thiện phiếu học tập.  - Thảo luận nhóm  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu đại diện nhóm trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** : - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:**  **GV: -** Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau  - Dự kiến câu 3: Môi trường sinh tồn là hệ sinh thái bao gồm các sinh vật, yếu tố vật lí, con người cùng nhau sinh sống và tồn tại. | **b) Vai trò của động vật trong hệ sinh thái**  **-** Bằng chứng: khỉ và vượn có chung tổ tiên với con người.  - Bằng chứng: Mỗi loài động vật có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đối với con người.  ***=> Con người, động vật, và môi trường có mối quan hệ chặt chẽ với nhau****.* |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 3  - Sử dụng KT khăn trải bàn, chia nhóm cho hs thảo luận  ? Tác giả đã nêu lên thực trạng đáng báo động nào?  ? Để nêu lên thực trạng đó tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?  ? Tác giả có thái độ như thế nào trước thực trạng đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**: - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau | **c) Thực trạng**  **-** Bằng chứng  **+** Con người phá hoại môi trường sống của động vật  + Săn bắt động vật trái phép  + Các loại động vật đang ngày càng giảm đi  **-** NT: đối lập  **=>** Thể hiện thái độ bất bình của tác giả. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Ý chính của đoạn 5 là gì? Tìm câu văn thể hiện ý chính đó?  ? Em cần có thái độ như thế nào với động vật? Kể một số biện pháp em có thể làm để bảo vệ động vật?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**: - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **- Dự kiến sp câu 3**  Biện pháp bảo vệ động vật.  - Tham gia bảo vệ, chăm sóc và trồng cây xanh ở trường, địa phương  - Tạo môi trường sống cho động vật (tham gia trồng cây, gây rừng, không xã rác bữa bãi)  - Tuân thủ và tuyên truyền các biện phát bảo vệ, yêu quý động vật cho bạn bè, người thân, hàng xóm…  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau | **e) Lời kêu gọi bảo vệ động vật**  **-** Chúng ta phải thay đổi, phải bảo vệ ngôi nhà chung của Trái Đất, để động vật cũng có quyền được sống giống như con người.  ***=> Nhấn mạnh sự cấp thiết phải bảo vệ động vật*** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 4  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “ Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật”?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Suy nghĩ cá nhân 2’, trao đổi cặp đôi 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  **GV** hướng theo dõi, quan sát, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lí lẽ bằng chứng chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.  - Bố cục mạnh lạc, sử dụng phép liệt kê, đối lập làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  **2. Nội dung**  **-** Cần phải đối xử thân thiện với động vật, yêu quý và bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của trái đất.  - Động vật cũng có quyền được sống giống như con người. |
| **3. HĐ 3: Luyện tập**  ***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  ***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  ***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập  ***d) Tổ chức thực hiện*** | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS  Bài tập 1: Văn bản trên giúp em hiểu biết thêm gì về động vật? Tìm các lí lẽ, và bằng chứng khác để làm sáng tỏ sự cần thiết phải thân thiện với động vật.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS: Tìm thêm một số lí lẽ về vai trò của động vật đối với đời sống con người  **HS** : Liệt kê các vai trò vai trò của động vật đối với đời sống con người  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số. | **Bài tập 1**   * Văn bản trên giúp em hiểu động vật và con người có mối quan hệ chặt chẽ, gắn liền với nhau. * Một số lí lẽ khác: Động vật có vai trò to lớn trong đời sống con người:   + Cung cấp thực phẩm (thịt, cá, trứng, tôm….)  + Giúp con người lao động  + Giúp con người giải trí  + Bảo vệ an ninh…. |
| **4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng**  **a) Mục tiêu:** Cũng cố kiến thức, làm rõ mối quan hệ của ý kiến, lí lẽ, bằng chứng bằng sơ đồ. Biết ứng dụng sơ đồ trong việc tóm tắt nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  ? Hãy hệ thống lại nội dung bài học bằng sơ đồ để thấy được mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn nghị luận (trình bày một ý kiến)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và hệ thống lại kiến thức bài học  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS:** báo cáo kết quả học tập, tự đánh giá  **GV**: Nhận xét sản phẩm của hs, hướng dẫn học sinh tự đánh giá.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho |  |

**HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

**+ Phiếu số 1**

**Ý chính đoạn 1, 2**

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 2**   * **Ý chính đoạn** 3 …………………………………………………………………… * Bằng chứng 1 …………………………………………………………………..   …………………………………………………………………………………….   * Bằng chứng 1 …………………………………………………………………..   ………………………………………………………………………………   * Môi trường sinh tồn: ………………………………………………   ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………. |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 3**  ? Tác giả đã nêu lên thực trạng đáng báo động nào  ? Để nêu lên thực trạng đó tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?  ? Tác giả có thái độ như thế nào trước thực trạng đó?  **Thực trạng**   * Nghệ thuật……………………………………………………………… * Thái độ…………………………………………………………………. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Một số kí hiệu trong KHBD**  **?** Câu hỏi của giáo viên  **GV**: hoạt động của giáo viên  **HS**: hoạt động của học sinh | Người soạn: Nguyễn Thị Huệ  Đơn vị: Trường THCS Vĩnh Châu B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long A. |

*Tuần 25,26,27 Ngày soạn: ……………… Tiết 97-108 Ngày dạy:………*……........

**Bài 8**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**KHAN HIẾM NƯỚC NGỌT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **C:\Users\Admin\Desktop\images (1).jpg** | **C:\Users\Admin\Desktop\tải xuống.jpg** | **C:\Users\Admin\Desktop\images.jpg** |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

**1. Về kiến thức**

- Tri thức ngữ văn (khái niệm nghị luận xã hội trình bày một ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng).

- Thực hành tiết kiệm nước

- Xác định được Từ Hán Việt, văn bản, đoạn văn.

**2. Về năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức ( ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, …) nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,…) của các văn bản nghị luận xã hội.

- Biết tiết kiệm nước trong cuộc sống hàng ngày

- Vận dụng được những hiểu biết về văn bản, đoạn văn và một số từ Hán Việt thông dụng vào đọc, viết, nói và nghe

- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

- Trình bày được ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

**3. Về phẩm chất**

- *Nhân ái:* HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống. Biết cảm thông, ca ngợi những hành động đẹp; lên án những hạnh động xấu.

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân. Vượt lên trên hoàn cảnh, nhiệt tình tham giác công việc của tập thể về tuyền truyền, vận động mọi người xung quanh cùng nhau tiết kiệm nước.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước về vấn đề tiết kiềm nước. Biết không đổ lỗi cho người khác.

- *Trung thực*:Luôn tôn trọng lẽ phải về những vấn đề về nước; thật thà, ngay thẳng trong vấn đề lên án thực trạng khan hiếm nguồn nước ngọt.

- *Yêu nước*: HS luôn tự hào và bảo vệ thiên nhiên, con người Việt Nam khi chung tay bảo vệ nguồn nước ngọt. Tự hào về vốn từ phong phú Hán Việt của nước mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Bảng tương tác, máy tính, Giấy A1hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: HS huy động vốn hiểu biết cuộc mình để nói lên thực trạng khan hiếm nước ngọt trên thế giới  **b) Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân  **c)Yêu cầu sản phẩm**: HS trình bày cá nhân bằng miệng  **d) Tổ chức thực hiện**  ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***  **-**GV: Chiếu hình ảnh  - HS : quan sát hình ảnh các bức tranh, qua đó em có suy nghĩ như thế nào về vấn đề nước ngọt hiện nay?    ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời theo quan điểm cá nhân.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: Nếu như ngày 5/6 hàng năm là ngày môi trường thế giới thì ngày 22/3 hàng năm chính là ngày nước thế giới. Đến năm 2021, ngày nước thế giới đã lấy chủ đề “ giá trị của nước”nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng của tài nguyên nước; giá trị của nước về mặt kinh tế, văn hóa và xã hội; giải pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước trước các áp lực do gia tăng dân số, phát triển công nghiệp, nông nghiệp và biến đổi khí hậu. Và điều đó được thể hiện như thế nào thì chúng ta cùng nhau đi vào tác phẩm ngày hôm nay. |

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **a)Mục tiêu**  + Học sinh biết phân loại nguồn nước: nước, nước mặn, nước ngọt, nước sạch.  + HS nêu ra được tác dụng của nước ngọt  + HS chỉ ra những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường nước.  + HS có những giải pháp và liên hệ bản thân.  **b)Phương thức thực hiện**: pp giải quyết vấn đề, pp dạy học nhóm  **c) Yêu cầu sản phẩm:** Trình bày cá nhân, nhóm, phiếu học tập...  **d) Tổ chức thực hiện:** thời gian 30p | |
| Hoạt động của giáo viên – học sinh | 1. **Tìm hiểu chung** |
| **Hoạt động : Tìm hiểu chung**   1. **Mục tiêu:** HS xác định được thông tin văn bản, thể loại văn bản. 2. **Phương thức thực hiện:** Kĩ thuật khăn trải bàn 3. **Yêu cầu sản phẩm:** HS trình bày qua sản phẩm nhóm, thực hiện được nhiệm vụ vào vở ghi của mình. 4. **Tổ chức thực hiện**   ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***   * Gv: Theo thông tin văn bản em hãy nêu tên tác giả ; nguồn gốc và bố cục của tác phẩm   ***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***   * HS: triển khai nhiệm vụ, thực hiện cá nhân vào vở ghi. * Nhiệm vụ:   + HS xác định thông tin và bố cục của văn bản.  + Phương pháp: giải quyết vấn đề, hợp tác, xử lí vấn đề  + Thời gian: 3p  +HS làm việc cá nhân  + HS thống nhất kết quả đưa ra ý kiến chung.  ***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***  + Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả; nhóm khác nhận xét, tương tác nhóm bạn.  ***Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.***  **+** GV nhận xét, tuyên dương  +GV định hướng kiến thức, HS tự xác định thông tin ghi vào vở.  ***\* Phương pháp đóng vai***  -Mục tiêu: HS giải thích những từ khó trong văn bản.  -Phương pháp: PP đóng vai  -Thời gian: 1p  -Các bước thực hiện:  +HS: 2 HS, 1 HS là Cù Trọng Xoay, 1HS là người trả lời  + HS sẽ hỏi nhanh, đáp lẹ 4 từ khóa mà người hỏi đưa ra.  + HS củng cố kiến thức cho bản thân qua pp đóng vai. | 1. Tác giả: theo Trịnh Văn 2. Tác phẩm   \*Xuất Xứ: Báo nhân dân, số ra 15/06/2003  \*Thể loại: Văn nghị luận.  \* Bố cục:  -Phần 1: nội dung 1: Nêu thực trạng khan hiếm nước ngọt.  - Phần 2: nội dung 2: Nguyên nhân- hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt.  Phầm 3: nội dung 3: Nếu quan điểm và giải pháp của việc khan hiếm nước ngọt.  \* Giải thích từ khó  -Nước: là một phân tử gọi là H2O chứa hai nguyên tử hydro và một nguyên tử ôxy. Đó là một chất lỏng trong suốt, không mùi mà bạn có thể tìm thấy trong hồ, sông ngòi và đại dương.  -Nước mặn:  **+** là thuật ngữ chung để chỉ nước chứa một hàm lượng đáng kể các muối hòa tan (chủ yếu là NaCl). Hàm lượng này thông thường được biểu diễn dưới dạng phần nghìn (ppt) hay phần triệu (ppm) hoặc phần trăm (%) hay g/l.  **+** Là nước bị nhiễm mặn và không sử dụng được trong sinh hoạt.  -Nước ngọt: hay  được gọi là nước nhạt là loại nước chứa một lượng tối thiểu các muối hòa tan, đặc biệt là natri clorua (thường có nồng độ các loại muối hay còn gọi là độ mặn trong khoảng 0,01 - 0,5 ppt hoặc tới 1 ppt), vì thế nó được phân biệt tương đối rõ ràng với nước lợ hay các loại nước mặn và nước muối.  -Nước sạch: là nguồn **nước**: trong, không màu, không mùi, không vị, không chứa các độc chất và vi khuẩn gây bệnh cho con người. **Nước sạch** phải bảo đảm 14 chỉ tiêu, trong đó các tiêu chí về: Nitrat, clorua, asen, sắt, chì, mangan, thủy ngân,... theo quy chuẩn của Bộ Y tế. |
| **Hoạt động: Đọc- hiểu văn bản** | 1. **Đọc- hiểu văn bản** |
| **HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM: TỔ CHỨC HỌC DỰA TRÊN DỰ ÁN PHÓNG VIÊN NHỎ ĐIỀU TRA “ KHAN HIẾM NƯỚC NGỌT**”   1. ***Môn phối hợp***:Hóa học, Địa lí, Giáo dục công dân 2. ***Nội dung kiến thức***   HS nêu ra được tác dụng của nước ngọt  + HS chỉ ra những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường nước.  + HS có những giải pháp và liên hệ bản thân.   1. ***Yêu cầu cần đạt***  * Từ văn bản “ Khan hiếm nước ngọt”, thông tin HS thu tập được qua kênh internest, sách báo, phỏng vấn ..từ đó HS xác định được vấn đề nghiêm trọng của việc khan hiếm nước ngọt. Qua đó xác định được nguyên nhân, hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt. * Qua kiến thức đã tìm hiểu từ văn bản, nguồn tư liệu , HS nêu ra được biện pháp giải quyết vấn đề của tác giả đồng thời qua đó liên hệ với chính bản thân mình. * HS xác định được hành động của bản thân mình trong cuộc sống hàng ngày đối với việc tiết kiệm nước, bảo vệ nguồn nước và lên án phê bình những hành vi lãng phí, gây phá hoại nguồn nước ngọt. * HS phát triển năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo, năng lực CNTT.. * Phát triển năng lực ngôn ngữ ( đọc hiểu nội dung, viết được văn bản nghị luận); năng lực văn học (kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận)  1. ***Cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm***   -GV: chia lớp thành 4 nhóm  **+ NHóm 1: Nghiên cứu về thực trạng khan hiếm nướ ngọt.**   * *Văn bản “Khan hiếm nước ngọt đề cập đến vấn đề gì?* * *Vấn đề đó được khái quát ở phần nào?* * *Tến văn bản và vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan như thế nào?* * *Nước ngọt có những tác dụng gì đối với chúng ta?*   *LƯU Ý: Sử dụng tranh ảnh trình chiếu thuyết trình kèm theo clip phỏng vấn về thực trạng của vấn đề ( đảm bảo thông tin tác giả đã đưa ra và lồng ghép tư liệu nhóm đã thu tập được)*  **+ Nhóm 2: Nghiên cứu nguyên nhân dẫn đến việc khan hiếm nước ngọt**  *? Sử dụng tranh ảnh trình chiếu thuyết trình về nguyên nhân dẫn đến việc khan hiếm nước ngọt( đảm bảo thông tin tác giả đã đưa ra và lồng ghép tư liệu nhóm đã thu tập được)*  **+ Nhóm 3: Nghiên cứu tác hại của việc khan hiếm nước ngọt mang lại**  *? Sử dụng tranh ảnh trình chiếu thuyết trình kèm theo clip về tác hại của việc khan hiếm nước ngọt ( đảm bảo thông tin tác giả đã đưa ra và lồng ghép tư liệu nhóm đã thu tập được)*  **+ Nhóm 4: Xây dựng phương án phòng chống việc khan hiếm nước ngọt.**  *?Trình bày nhanh những giải pháp tác giả đề xuất bằng các hình ảnh máy chiếu và đề xuất giải pháp bổ sung theo ý tưởng của nhóm mình, đóng vai tuyên truyền (sử dụng tranh vẽ tuyên truyền)*  + GV hỗ trợ hs về CNNT khi HS gặp khó khăn   * Dự kiến hệ thống câu hỏi   ? Thực trạng của việc khan hiếm nước ngọt.  ? Nguyên nhân dẫn đến việc khan hiếm nước ngọt?  ? Từ kiến thức của văn bản “Khan hiến nước ngọt” thông tin đã thu thập em có suy nghĩ như thế nào về tác hại của việc khan hiếm nước ngọt? Qua đây, tác giả đã có giải pháp như thế nào em rút ra được bài học gì cho bản thân mình? Em cần làm gì đề đẩy lùi việc khan hiếm nước ngọt như hiện nay?   1. ***Tiêu chí đánh giá***  |  |  | | --- | --- | | Tiêu chí đánh giá | Điểm (thang điểm 100) | | 1. Thời gian trình bày (10đ) |  | | 1. Thái độ và tinh thần đoàn kết (10đ) |  | | 1. Nội dung kiến thức (20đ) |  | | 1. Kĩ năng thuyết trình (10đ) |  | | 1. Kĩ năng xử lí thông tin (10đ) |  | | 1. Kĩ năng xử lí vấn đề trong tương tác (10đ) |  | | 1. Tính khả thi trong phương pháp phòng trống (10đ) |  | | 1. Tính sáng tạo (10đ) |  | | 1. Thu thập nội dung thông tin qua các nhóm để hoàn thiện nội dung yêu cầu của bài học (10đ) |  | | Tổng điểm |  |  1. ***Kế hoạch tổ chức trải nghiệm***  * Thời gian thực hiện: 5 ngày trước khi tiết học diễn ra * Địa điểm tổ chức: trong lớp học * Thành phần tham gia: GVBM ngữ văn, sinh học, GDCD trong trường, toàn thể HS lớp được giao nhiệm vụ.  1. ***Tổ chức thực hiện (20p***)  * Bước 1. GV chuyển giao hoạt động cho lớp * Bước 2. Lớp trưởng thông qua hoạt động * Bước 3. Đại diện thành viên của các nhóm lên thuyết trình thông qua bảng tương tác. * Bước 4. Sau khi nhóm thuyết trình, các nhóm khác tương tác và đại diện nhóm đang trình bày hoặc thành viên của nhóm ở dưới giải quyết vấn đề được đặt ra đối với nhóm mình. * Bước 5. Ban cán sự lớp thu thập lại phiếu đánh, công bố kết quả. * Bước 6. GV tổ chuyên môn Hóa học, Địa lí, GDCD nhận xét * Bước 7. GV nhận xét, tuyên dương, phát phần thưởng, định hướng kiến thức cho học sinh  1. **Đặt vấn đề ( nêu thực trạng của việc khan hiếm nước ngọt)**  * Tác phẩm viết về vấn đề báo động của việc khan hiếm nước ngọt hiện nay. * Vấn đề được khái quát ở phần 1 của tác phẩm. * Vấn đề được nêu lên có nội dung tương ứng với đề tài được nói lên trong tên văn bản, tạo tính thống nhất trong văn bản. * Nước ngọt đóng vai trò to lớn trong sinh hoạt, sản xuất của con người. Tạo thúc đẩy cân bằng sinh thái, phát triển kinh tế, duy trì sự sống cho con người, động thực vật trên trái đất. * Hiện nay, con người chúng ta bị ảo tưởng về vấn đền nước không không bao giờ cạn kiệt   +Bởi hệ thống nước xung quanh chúng ta là rất nhiều.  + Điều đó tạo cảm giác chúng ta sẽ không bao giờ thiếu nước  +Đây chính là suy nghĩ sai lầm, thật “ nhầm to” của chúng ta.   * Đặt vấn đề ngắn gọn , thông qua chính thực tế của chúng ta.  1. **Giải quyết vấn đề (Nguyên nhân- hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt)**   \****Nguyên nhân***  - Xung quanh chúng ta đều là nước, nhưng là nước mặn không phải nước ngọt. Cũng không phải nước sạch mà con người và động thực vật có thể sử dụng.  - Phân hóa nước ngọt không đồng đều ngay cả trên thế giới và ở Việt Nam.  +Trên thế giới nói chung  ++ Nước ngọt hầu hết nằm ở Bắc cực đang trong trạng thái đóng băng.  ++ Số lượng nước ngọt chỉ có thể sử dụng ở sông, suối, đầm, ao, hồ, nguồn nước ngầm.  + Ở Việt Nam  ++ Có những nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại khan hiếm  ++ Như ở Đồng văn, Hà Giang để lấy nước ngọt bà con phải đi xa vài ba cây số.  ++ Nước ngọt ở đây có nhưng lại nằm sâu dưới lòng đất, kinh phí để khai thác rất tốn kém và cũng vô vàn khó khăn khi bị phân bố dưới chủ yếu là núi đá.   * Số nước ngọt không tự tạo ra, bên cạnh đó đang bị ô nhiễm do chính con người tạo ra.   + Rác thác được bắt nguồn từ các mặt trong cuộc sống.  + Có những rác thải mất hàng chục năm mà chưa tiêu hủy được.  + Những chất độc ngấm xuống đất, thải ra sông suối   * Nước ngày càng khan hiếm.   - Dân số ngày càng tăng cao, khoảng hơn 2 tỉ người đang sinh sống điều đó có nghĩa hơn 2 tỉ người đang sống trong cảnh thiếu ngước ngọt trong sinh hoạt.  - Cuộc sống con người ngày càng văn minh, tiên bộ, nhu cầu sử dụng nước tăng cao đi đôi với sự gia tăng dân số dẫn đến tình trạng thiếu nước ngày càng nghiêm trọng. Chúng ta tốn từ 1000 đến 70000 nghìn tấn nước chỉ vì một tấn lương thực, thực phẩm.  ***\* Hậu quả***  -Tình trạng thiếu nước diễn ra trong sinh hoạt con người, đất đai khô cằn; cây cối, muôn vật không sống nổi.  => Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và kinh tế nghiêm trọng đối với con người.  **3.Khẳng định và nêu giải pháp**  - Khẳng định vấn đề  + Nước ngọt ngày càng khan hiếm  + Chi phí để có nước sạch và hợp vệ sinh rất tốn kém.   * Nêu giải pháp   + Tăng cường khai thác nguồn nước ngọt.  + Sử dụng hợp lí nguồn nước.  + Tiết kiệm nguồn tài nguyên nước có sẵn trong tự nhiên. | |